VỀ GỐC/NGUỒN LÝ CÔNG UẨN
(QUA DANH HIỆU "*HIỂN KHÁNH VƯƠNG*" VÀ "*GỐC NGƯỜI MÂN*")

NGUYỄN HẢI KẾ*

I. VỀ VẤN ĐỀ "GỐC MÂN" CỦA LÝ CÔNG UẨN

Trong cuốn *Lý Thường Kiệt. Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý* công bố năm 1949, Phần thứ nhất, chương VII, Hoàng Xuân Hãn sau khi trích dẫn bức thư của Từ Bá Tường gửi cho vua Lý vào năm 1076 trong đó có câu: "*Tiên thế (Đời trước của) đại vương vốn người đất Mân, tôi nghe nói công khanh ở Giao Chỉ cũng nhiều người đất Mân*" (1), đã có một chú thích mà trước khi hạ bút "*Cho nên Lý Công Uẩn rất có thể là con cháu một người Mân*" Hoàng Xuân Hãn đã nêu các tiền đề:

1. *Vả chăng nước ta bắc-thuộc trong nghìn năm, người Trung Quốc hoặc sang buôn bán hoặc sang làm việc quan, rồi sinh con cái ở đất ta rất nhiều.*

2. *Một điều chắc chắn là đời Tống, người Tống đều nhận Lý gốc Mân, không những Từ Bá Tường nói thế mà thôi, mà sách* ***Mộng khê bút đàm*** *cũng nói thế* (2).

(Nhân đây, cũng phải viết thêm: Không chỉ có Từ Bá Tường viết năm 1076 và được *Tục tư trị thông giám* của Lý Đào dẫn vào cuối thế kỷ XII, hay Thẩm Quát viết *Mộng Khê bút đàm* thế kỷ XI, mà những năm 80 của thế kỷ XX, rồi đầu thế kỷ XXI, vấn đề Lý Công Uẩn gốc "người Mân" vẫn tiếp tục được các sử gia Trung Quốc đề cập) (3).

Trong khi đó, có một thực tế là: Các Bộ biên niên sử thời phong kiến của Việt Nam quen thuộc như *Việt sử lược* của tác giả chưa rõ tên cuối thế kỷ XIV, *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê (từ thế kỷ XV) đến *Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn cuối thế kỷ XIX đều không đề cập đến thông tin này... thì với **chú thích** này *như là lần đầu tiên* người Việt Nam đề cập đến thông tin: Lý Công Uẩn nguồn gốc Mân!

Trong giới hạn chủ đề Hội thảo "Những phát hiện khảo cổ học ở Đông Anh và vấn đề quê hương Nhà Lý", để "Góp phần nhận diện lại quê hương nhà Lý" có "Đôi điều về nguồn gốc của Lý Thái Tổ", GS. Nguyễn Quang Ngọc, Th.s Nguyễn Ngọc Phúc cũng đã nhắc lại và cụ thể thêm những thông tin từ bức thư của Tử Bá Tường, và của Thẩm Quát.

Tình hình đó tưởng chừng vấn đề gốc nguồn Lý Công Uẩn chỉ tập trung quanh vấn đề quê nội, ngoại của Người, và được bàn bạc nhiều hơn trong vòng thập niên (2000-2010) khi chuẩn bị tiến tới Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long-Hà Nội.

Thực ra không phải chỉ có thế!

---

* PGS. TSKH. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN

Thế kỷ XIV, khi Lê Tắc sau khi sang Trung Hoa, biên soạn *An Nam chí lược* mục *Gia thế họ Lý* (quyển 12) viết "Lý Công Uẩn, người Giao Châu (có kẻ bảo là người Phúc Kiến, Không đúng !) (4).

Theo đó, ít nhất đến thế kỷ XIV:

- Ở Trung Hoa lúc đó có dư luận rằng Lý Công Uẩn là người Phúc Kiến;

- Lê Tắc đã cho là "không đúng"! nhưng không thấy đưa ra chứng cớ phủ định.

Sau chú thích của Hoàng Xuân Hãn, Trần Quốc Vượng cũng hơn một lần nhắc lại vấn đề này:

+ 10 năm sau khi có cuốn *Lý Thường Kiệt*, năm 1959, khi dịch và chú thích *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng chú thích tương tự Hoàng Xuân Hãn, có thêm "giống như tiên tổ Hồ Quý Lý, tướng Trần Lãm (1 trong 12 sứ quân) đều là gốc Bắc chạy sang đất Việt tránh loạn đời Ngũ đại" (5).

+ Tháng 9 năm 1995 khi chuẩn bị hội thảo "*Thời Trần và Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn trên quê hương Nam Hà*", GS. Trần Quốc Vượng lại một lần: "ở cuốn *Lý Thường Kiệt* của GS. Hoàng Xuân Hãn, có công bố bức thư của Tiến sĩ Từ Bá Tường (Trung Quốc - Tống) cũng nói vua Lý người đất Mân và trong triều đình Lý có nhiều người gốc Mân". Nhân bàn về việc họ Trần nhận gốc Mân, GS. Trần Quốc Vượng viết:

"Trong sách *Việt Giang* (tức Tây giang - TQV) *lưu vực nhân dân sử* của GS. Từ Tùng Thạc (nay ở đại học Princeton Mỹ) GS. Từ khi khảo sát về các dòng họ ở hạ lưu khu vực sông này có nhận xét rằng, rất nhiều dòng họ gốc thổ dân (indigenom) nhưng do khuynh hướng tâm lý "Nam nhân, Bắc hướng" họ cứ khai trong gia phả gốc Hoa gốc Bắc... nhà Trung Quốc học người Pháp Marcel Gernet trong Le Monde Chinois (Thế giới Trung Hoa) khi M. Gernet đưa ra gốc gác của nhà Đường Trung Hoa (VII-X) là Semi Turc (nửa Tuyêc) mà dòng họ Độc cô (đọc là Turco) là một ví dụ. Song khi lên ngôi, Lý Uyên rồi Lý Thế Dân (Đường Thái Tông) đã sai các sử nô viết lại lý lịch nhà mình là gốc từ Lý Đam, Lý Nhĩ, - tức Lão Tử, nhà Triết học vĩ đại của thời thượng cổ Trung Hoa!" (6).

Trở lại chú thích của Hoàng Xuân Hãn, với thông tin đưa ra như Từ Bá Tường viết "Nay nghe nói nhiều công khanh quý nhân ở Giao Chỉ cũng nhiều người Mân"; hoặc như Hứa Thiện Thắng từ năm Đại Đức thứ 11 (1307) lúc viết Tựa cuốn *An Nam chí lược*: "Các danh tướng, Thứ sử, Đô đốc người Trung Quốc tới làm quan ở xứ Nam Giao, trước sau tới vài trăm người mà hạng trứ danh hơn hết là các ông Mã Viện, Sỹ Nhiếp, Đào Khản, Chử Toại Lương.... dư nữa, về hạng người bị lưu trích cũng phần nhiều là bậc danh sĩ ở Trung triều,... (7). đù khó khăn, vẫn có thể kiểm định, được chỉ ra cụ thể, chẳng hạn. Chỉ mới thống kê từ *An Nam chí lược*, thì danh mục đã có đến 158 viên Đô hộ, Thứ sử, Thái thú, Đô đốc... và ít nhất 34 "*Những người tôi các đời sang ký ngụ*! Ở Giao Châu thời Bắc Thuộc trong đó cũng có hàng chục nhân vật cũng mang họ Lý (8).

Nhưng từ các nguồn tài liệu hiện có này, số lượng đó dù có lớn, cụ thể đến bao nhiêu, tiếc thay cũng chỉ mới là cho phép gợi ý gián tiếp, chứ không trực tiếp chứng minh "nguồn gốc Mân" Lý Công Uẩn.

II. VỀ DANH HIỆU "HIỂN KHÁNH VƯƠNG"

Việt sử lược - bộ biên niên đầu tiên đề cập về Lý Công Uẩn và triều Lý còn lại đến ngày nay, ghi:

"Huý là Uẩn, họ Nguyễn (Lý) người Cổ Pháp, Bắc Giang. Mẹ là Phạm Thị, Vua khi còn bé đã thông minh, khí độ rộng rãi, du học ở chùa Lục Tổ".

Rõ ràng nguồn gốc Lý Công Uẩn trong bộ sử này hoàn toàn không có một chút gì là hoang đường!

Chỉ có tinh thần khi chuẩn bị cho Lý Công Uẩn lên ngôi mới có sự tuyên truyền với sấm ký của Phật, Đạo của thời kỳ ấy!

Cũng chính *Việt sử lược* chép: mùa Đông tháng 11, vua lên ngôi, đại xá thiên hạ, đốt hết hình cụ, và sau khi có Tôn hiệu thì các việc ngay dó, thứ tự là:

+ Truy tôn cha là Hiển Khánh vương, mẹ là Minh Đức Thái hậu,

+ Các con trai, con gái

+ Anh ruột vua là Mỗ làm Uy Vũ vương, em là Dực Thánh vương...

Đây là một đoạn sử, hàm chứa nhiều thông tin hiển minh và ẩn tàng quan trọng!

Hoàng Xuân Hãn hoàn toàn dúng khi viết: "Xem vậy Công Uẩn biết cha là ai và có dủ họ hàng". Chỉ đến/từ bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sỹ Liên và sử thần triều Lê-Bộ sử mà Trần Quốc Vượng cho rằng "đọc" (lecture) sách này không phải dễ, đòi hỏi một cách đọc có suy xét theo kiểu tư duy hiện đại. Vì sách này chứa không ít cách nhìn (quan điểm) méo mó của nhà nho thời Lê mới có thêm đoạn: "mẹ họ Phạm đi chơi chùa Tiêu Sơn cùng với thần nhân giao hợp rồi có chửa sinh ra vua..." (mà sau này bộ *Việt sử thông giám cương mục* cũng ghi theo như vậy...) (9).

Đó chính là điều mà theo Hoàng Xuân Hãn, chính bộ *Toàn thư* đã làm cho Lý Công Uẩn trở thành "con vô thừa nhận".

Năm 2004, khi viết về Lý Thái Tổ, Lê Văn Lan ghi chú: "trong nhiều văn cảnh, ý nghĩa biểu trưng của danh hiệu "Hiển Khánh" chính là để dành cho nhưng người và trường hợp đươc tôn vinh nhưng thân nhân không rõ ràng, hoặc không có thực" (10).

Cũng năm này, khi trở lại vấn đề *nhà Trần và con người thời Trần*, Trần Quốc Vượng đặt câu hỏi: "Hiển Khánh, thuỷ tổ (nhà Trần) gốc ở Hiển Khánh". Vậy Hiển Khánh là đâu? Các cụ chắc quên Hiển Khánh là một tước hiệu con truy phong cho cha khi lên lấm vua như Lý Công Uẩn Thái Tổ truy phong cho cha làm Hiển Khánh vương" Trần Thái Tông khi cha mất (năm 1234) lấy anh ruột là Thái uý Trần Liễu làm phụ chính, sách phong làm Hiển Hoàng. Tuy viết "*Hiển Khánh chưa chắc là một địa danh*"! Nhưng, chính Trần Quốc Vượng cũng đã viết thêm: "các cụ tra cuốn *Các tổng xã danh bị lãm ở đầu thế kỷ XIX* có nhắc tới một địa danh Hiển Khánh là xã Hiển Khánh thuộc tổng Hiển Khánh huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định, chỉ cách Tức Mặc vài kylômét và cùng nằm trên một triền sông với Tức Mặc. *Danh Mục các làng xã Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn cũng có tên xã Hiển Khánh, Vụ Bản, Nam Định" (11).

Khảo sát thêm một chút nữa, thấy Hiển Khánh không chỉ là một tước hiệu mà còn là một địa danh có thật!

+ Theo lời chua của *Việt sử thông giám cương mục*: Huyện Ứng Phong thuộc tỉnh Nam Định. Xưa là huyện Hiển Khánh, Nhà Lý đổi làm Ứng Phong, Nhà Trần đổi làm Kiến Hưng khi thuộc Minh đổi làm phủ Kiến Bình nhà Lê gọi là phủ Nghĩa Hưng... (12).

+ *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Phủ Nghĩa Hưng, nguyên trước là huyện Hiển

Khánh (nay huyện Thiên Bản còn có tổng Hiển Khánh) đời Lý đổi làm huyện Ứng Phong" và "Miếu thờ Lý Nhân Tông tại xã Hiển Khánh huyện Thiên Bản" (13).

Trong **danh mục các di tích liên quan đến thời Trần của Nam Định** (14) phần huyện Vụ Bản có ghi Điện An Phong - thuộc thôn Đào, và Điện thôn Hanh Lâm thuộc xã Hiển Khánh.

Nói cách khác, tất cả các chỉ dẫn trên cho thấy đến hiện nay, Hiển Khánh vẫn là một địa danh có thật ở vùng Nam sông Hồng, nằm ở vùng giữa hai con sông Đáy và sông Hồng thuộc huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định ngày nay.

Điều lưu ý là:

Thống kê qua *Việt sử lược* (có khai thác và bổ sung thông tin từ *Đại Việt sử ký toàn thư* - in nghiêng trong bảng thống kê - xem bảng 1) qua 4 đời vua đầu triều Lý, trừ các lần vua phải "thân cầm quân" chinh phạt, còn các lần ra khỏi Kinh thành Thăng Long như đi kinh lý, du ngoạn, thăm thú, các địa phương, cho thấy:

+ Từ vua Lý Công Uẩn, Lý Phật Mã đến hết vua Lý Càn Đức, có ít nhất 29 địa điểm:

+ Trong 29 địa điểm đó, các Hành cung chiếm nhiều nhất (10/29)

+ Trong đời làm vua, Lý Càn Đức (Lý Nhân Tông) - chắt của Lý Công Uẩn đến 19 lần ngự giá các hành cung thì 11 lần về Hành cung Ứng Phong - Hiển Khánh! (Xem bảng 1) (15).

Xin lưu ý mấy điều:

1. Bản thân đức Lý Công Uẩn - khi Lê Long Việt bị Lê Long Đĩnh giết (năm 1006) quần thần đều trốn chạy, vẫn duy một mình dám ôm thây Long Việt mà khóc! khiến chính Long Đĩnh khen là trung, rồi cất làm Thân vệ Điện Tiền chỉ huy sứ suốt thời Long Đĩnh - như chức vụ của chính thân sinh Long Đĩnh - Lê Hoàn trước đó. Thế nhưng, ngay cả khi ông vua "tối tăm ngoan ngạnh" - Ngọa Triều đã chết, các con Long Đĩnh thì còn nhỏ, cũng là lúc hết Thiền sư Vạn Hạnh - nhân danh sấm truyền - dư luận, phân tích "Nhà Lê tất phải mất, mà nhà Nguyễn (Lý) tất phải lên. Họ Nguyễn nhân từ khoan dung như ông, lại được lòng dân...", rồi đến Đào Cam Mộc cũng nói: "bách thần không nơi dựa, hạ dân nhao nhao, muốn tìm người chúa" Lý Công Uẩn vẫn "sợ những lời ấy bị tiết lộ" nên với Vạn Hạnh thì bảo "đến ẩn náu ở Ba Sơn", còn với Cam Mộc thì "sợ rằng nói lộ ra thì bị giết cả".

2. Vài tháng sau lên ngôi, cùng với cải nguyên niên hiệu thành Thuận Thiên năm đầu, rồi chuyển đô ra Thăng Long, Lý Công Uẩn cũng cho thay tên một loạt các địa phương: Hoa Lư thành Trường Yên, Bắc Giang thành Thiên Đức giang, Cổ Pháp thành phủ Thiên Đức... rồi năm 1014 đổi Ứng Thiên thành Nam Kinh (Huyện Hiển Khánh cũng đổi tên vào thời kỳ này chăng?).

3. Việc phong vương đến thời Lý Công Uẩn, tuy chưa có nhiều nhưng đã có các loại sau:

+ Nhà Tống phong theo địa danh như "An Nam quận vương" (Đinh Bộ Lĩnh) "Nam Việt vương" (Đinh Liễn).

+ Vua Lê Hoàn phong "vương" cho các con, em vừa đặt theo chức năng đối với triều đình Hoa Lư, vừa theo địa danh mà Vương đó cai quản, như:

+ Long Đĩnh coi vùng Phong Châu (Phần Sơn Tây - Hà Nội và Phú Thọ) là Khai Minh vương.

Bảng 1: Thống kê các lần 4 vị vua đầu triều Lý xa giá tới các địa điểm ngoài Kinh thành Thăng Long

Stt	Các địa điểm ngoài Kinh thành Thăng Long	Bốn đời vua đầu triều Lý			
		Lý Công Uẩn (Thái Tổ: 1009-1028)	Lý Phật Mã (Thái Tông: 1028-1054	Lý Nhật Tôn (Thánh Tông: 1054- 1072)	Lý Càn Đức (Nhân Tông: 1072-1127)
1	Cổ Pháp	*1010: ban tiền lụa cho dân làng*			
2	Cổ Sở (Đan Phượng-Hà Nội)	*1016: ban danh hiệu cho Thần*			
3	Ô Lộ [Điểu lộ] (có lẽ là vùng Hưng Yên chăng)		1030: xem gặt lúa		
4	Đỗ Động giang [Tín hương](Thanh Oai)		1032: cày tịch điền		
5	Châu Lạng		*1032 : bắt voi*		
6	Chùa Trùng Tiên - núi Tiên Du		1034: ra chơi *1041: Xem làm viện Tự thị thiên phúc*		
7-1	**Hành cung** Ái Châu		1035 Thiết yến quần thần		
8-2	**Hành cung** Hoan Châu		1036: xây dựng		
9-3	Bố Hải Khẩu (Thái Bình)		1038: cày tịch điền	1064 Xây **hành cung** 1065: cày tịch điền	
10	Cửa biển Già [Kha] Lăm (có lẽ là vùng Quảng Ninh ?)		1042: cày tịch điền		
11	Chùa cổ Tùng Sơn châu Vũ Ninh		1043		
12-4	**Hành dinh** Cổ Lãm (Cổ Pháp)				
13	Cửa biển Đại Bàng (vùng Hải Phòng)				
14	Cửa biển Ba Lộ (vùng Đồ Sơn - Hải Phòng)			1058 nhân chố ngư, xây tháp 1059: Ban tên Tường Long	1106:
15	Sông Nam Bình.-Lạng châu (vùng đất Bắc Giang-nam Lạng Sơn)			1059 đi săn, đến nhà Thân Cảnh Nguyên	1092 bắt voi
16	Cửa biển Giao Hải (Giáp Ninh Bình-Thanh Hoá)			1060 ra, đổi tên thành Thiên Phù	
17-5	**Hành cung** Giao Đàm (Hồ Tây)			1060: xây để xem đánh cá	1072 : 1096: xem đánh cá, có Lê Văn Thịnh
18	Đầm Phù Long (?)			1065: xem đánh cá	
19	Tản Viên (Núi Ba Vì-Hà Nội)				1072: đi lễ
20-6	**Hành cung** Cứu Lan [Cảnh Hưng] (?)			1065:	
21-7	**Hành cung** Khải Thụy (?)			1067 : xem gặt	1092: xây hành cung 1117: xem gặt

22-8	Hành cung Lỵ Nhân [Phủ Nhân] (Lý Nhân- Hà Nam)			1067 : xem gặt, đua thuyền	1077: xem gặt 1080: xem gặt 1101: 2 lần: tháng 2 và tháng 9 xem đánh cá
23	Cửa biển Long Thuỷ				1077
24	Cùng Giang				1080: xem đánh cá 1101: 2 lần: tháng 2 và tháng 9 xem đánh cá
25	Lãm Sơn				1087: Đãi yến quân thần trên núi, làm thơ 1094: chùa làm xong, vua ban tên, đề biển
27-9	Hàng cung Ứng Phong				1101: xem cày ruộng. 1102: xem cày ruộng 1117: 2 lần: Tháng 3 xem dân cày ruộng công, tháng 6 xem cày ruộng. *Từ đây xem cày xem gặt là việc thường hàng năm* (Cương Mục) 1123: xem gặt lúa, bắc cầu qua sông Ba Lạt, 1124: xem cày ruộng tư tháng giêng đến tháng hai về cung 1125: 2 lần: tháng sáu xem cày, tháng 10 xem gặt
28-10	Hành cung Chương Sơn				1007: 1008: (xây tháp) 1117: khánh thành Bảo tháp Vạn phong
29	Long Thủy				1123: bắt voi

+ Long Cán coi vùng Phù Lan (Văn Lâm - Mỹ Hào - Hưng Yên) là Ngự Bắc vương.

+ Long Túng coi vùng Ngũ Huyện giang (Thanh Hóa) làm Định phiên vương.

+ Long Mang coi giữ Vũ Long (Thanh Hóa) là Nam quốc vương.

+ Người con nuôi giữ vùng Phù Đái (Tứ Kỳ - Hải Dương, Vĩnh Bảo - Hải Phòng) là Phù Đái Vương.

+ Long Đề coi giữ vùng Cát Lãm ở bờ sông phía Bắc (Quế Dương, Từ Sơn - Bắc Ninh) là Hành quân vương...

4. Lý Càn Đức (1072-1127) con của Ỷ Lan phu nhân - quê ngoại ở Bắc sông Hồng, cũng đã từng ngự đến Lãm Sơn (năm 1087), cho xây tháp Lãm Sơn năm 1088), rồi ngự lên Lạng Châu xem bắt voi năm 1091) rồi ban tên chùa, thân đề biển bằng chữ triện cho chùa Lãm Sơn (năm 1094)... nhưng trước đó hàng chục năm, theo *Việt sử lược*, ngay sau khi chiến thắng quân Tống, năm 1077, đắp đê ở sông Như Nguyệt, thì chuyến ngự đầu tiên của Lý Càn Đức là đi về phía Nam: qua hết Phủ Nhân - Lý Nhân, rồi cửa biển Long Thủy năm 1077 sông Cùng Giang (năm 1080). Và, chưa vị vua nào đầu thời Lý đặc biệt quan tâm đến vùng phía Nam sông Hồng, trong đó đặc biệt là vùng Hiển Khánh - Ứng Phong như Lý Càn Đức!

Như vậy, ngoài vị thế đặc biệt quan trọng của vùng đất này với quốc gia Đại Việt, với Kinh sư Thăng Long, thì giữa thông tin:

+ Lý Công Uẩn phong danh hiệu cho cha là Hiển Khánh Vương.

+ Vùng đất Hiển Khánh đời Lý nằm giữa hai sông Hồng, sông Đáy - của Vụ Bản thuộc Nam Định, trên trục đường giao

thông/thương quan trọng giữa Hoa Lư với Trung châu Bắc Bộ.

+ Đến chắt nội Lý Công Uẩn, Lý Càn Đức - người vừa tổ chức thắng lợi oanh liệt cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống, người đã nhận thư (với thông tin nêu trên) của Từ Bá Tường năm 1076, lại chính là người dựng hành cung Ứng Phong trên đất Hiển Khánh, rồi về đó rất nhiều lần!

Tất cả những điều đó có liên quan gì, gợi ý gì đến gốc gác, địa bàn hoạt động của Hiển Khánh vương thân sinh của Đức Lý Công Uẩn và đến chính Lý Công Uẩn trước khi vào triều đình Hoa Lư chăng?

CHÚ THÍCH

(1). Về nội dung bức thư và nguyên văn câu trên, tham khảo bài của Th.s Nguyễn Ngọc Phúc: *Nghiên cứu di tích và truyền thuyết về nhà Lý ở Đình Bảng (Bắc Ninh)*, trong Hội Sử học Hà Nội. *Về quê hương nhà Lý*. Kỷ yếu tọa đàm khoa học *Những phát hiện khảo cổ học ở Đông Anh (Hà Nội) và vấn đề quê hương nhà Lý*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2009, tr. 248-268.

(2). Xem: Hoàng Xuân Hãn. *Lý Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. Nxb. Sông Nhị, Hà Nội, 1949, tr. 182.

(3). Chăng hạn: xem Lý Thiên Tích. An Nam Lý triều thế gia tân khảo. *Hoa kiều Hoa nhân lịch sử khảo cứu*. N°1 Mar 2002, tr. 56-61.

(4). Xem Lê Tắc. *An Nam chí lược*. Bản dịch của Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam - Viện Đại học Huế do GS. Trần Kinh Hòa làm cố vấn. In năm 1960. Bản in lại của Nxb. Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2002. tr. 235, chữ Hán, tr. 476.

(5). Xem *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng dịch và chú giải. Bản in của Nxb. Thuận Hoá, 2005, tr. 118.

(6). Trần Quốc Vượng. *Đôi điều về nhà Trần,- Đức thánh Trần cội rễ lịch sử và sự phát triển trong bối cảnh văn hoá Đại Việt thế kỷ XIII- XIV*. In trong *Nhà Trần và con người thời Trần*. Hà Nội, 2004 , tr. 46.

(7). Xem *An Nam chí lược*, sđd, tr. 41.

(8). Không chỉ thời Bắc Thuộc, sau thế kỷ IX, X về sau tức là khi Việt Nam thời tự chủ, dòng người Hoa sang buôn bán, sinh sống ở Việt Nam vẫn tiếp tục. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*: trong triều đình Lê Hoàn có làm đến Thái sư Hồng Hiến (?- 988) là người Trung Hoa "thông hiểu kinh sử, thường theo các cuộc chinh phạt làm quân sư cùng là khuyên vua lên ngôi, mưu bàn việc nước có công lớn, vua tin dùng như tâm phúc "không chỉ lần vào các năm Giáp Tuất (1274) nước Tống ở mé Giang Nam người Nguyên thường hay lấn đánh, Đến đây họ đem 30 chiến thuyền vượt biển chở đầy của cải và vợ con vượt biển đến La Cát Nguyên, đến tháng 12 dân về kinh, an trí ở phường Nhai Tuân, "*Bản kỷ, q 5, t 33b* "riêng quân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật có cả người Tống, mặc áo Tống. Trước kia nhà Tống mất, nhiều người Tống theo ta, Nhật Duật thì nạp họ, có Triệu Tung làm gia tướng, *Bản kỷ, quyển 5. t 48 b. An Nam chí lược* của Lê Tắc chép: Năm Diên Hựu thứ 7 (1320) nhà Đại Nguyên dân bần cùng ở Hải Nam bắt con gái dân chúng đem vào An Nam.

(9). Xem *Việt sử thông giám cương mục, Chính biên* 2, tờ 7, Bản dịch. Nxb. Văn Sử địa, Hà Nội, 1957, tr. 39 .

(10). Lê Văn Lan. Chú thích số 1 bài. *Lý Thái Tổ (974-1028)* trong *Danh nhân Hà Nội*. Hà Nội, 2004, tr. 56.

(11). Trần Quốc Vượng. *Đôi điều về nhà Trần- Đức Thánh Trần*, trong *Nhà Trần và con người thời Trần*, sđd, tr. 49.

(Xem tiếp trang 30)

(30). *Dagh-register Batavia 1661*, pp. 49-55.

(31). VOC 1236, Hendrick Baron naar Batavia, 12 Nov. 1661, fos. 829-855; *Dagh-register Batavia 1661*, p. 89; *Generale Missiven* III, pp. 450-451.

(32). Lục Đức Thuận, "Japan Early Trade Coins and the Commercial Trade between Vietnam and Japan in the 17th Century", *www.VietAntique.com*; Whitmore, "Vietnam and the Monetary Flow", pp. 363-396. Về hoạt động xuất khẩu *Toraisen* và *Shichusen* đến Đàng Trong, xin xem: A. van Aelst, "Japanese coins in southern Vietnam and the Dutch East India Company, 1633-1638", *Newsletter* (The Oriental Numismatic Society, 109, Nov.-Dec. 1987), (n.p); Li Tana, *Nguyễn Cochinchina*, pp. 90-93.

(33). Rhodes, *Histoire du royaume de Tuinquin* (Lyon: Jean Baptiste Devenet, 1651), pp. 59-60.

(34). R. L. Innes, *The Door Ajar: Japan's Foreign Trade in the Seventeenth Century* (Ph.D. Diss., University of Michigan, 1980), p. 587; Lục Đức Thuận, "Japan Early Trade Coins"; Ryuto Shimada, *The Intra-Asian Trade in Japanese Copper by the Dutch East India Company during the Eighteenth Century* (Leiden-Boston: Brill, 2005), p. 95.

(35). Li Tana, *Nguyễn Cochinchina*, pp. 90-93.

(36). *Generale Missiven* II, pp. 651-652; Souza, *The Survival of Empire*, pp. 115-120.

(37). VOC 1206, Tonkin comptoir naar Batavia, 18 Nov. 1654, fos. 65-90; Buch, "La Compagnie" (1937), p. 139.

(38). Các tỉ lệ phần trăm trên đây được tính toán từ số liệu trong Bảng 2.

(39). VOC 1314, Albert Brevincq en Tonkin comptoir naar Batavia, 19 Nov. 1675, fos. 19-22; *Generale Missiven* IV, p. 88.

(40). *Generale Missiven* IV, 88, pp. 111, 174.

(41). Dẫn theo Shimada, *The Intra-Asian Trade in Japanese Copper*, p. 95.

(42). *Cương mục* II, tr. 296; *Toàn thư* III, tr. 260, 262, 264.

(**) Luận văn được thực hiện dưới sự tài trợ của Đại học Leiden và Sumitomo Foundation.

VỀ GỐC/NGUỒN LÝ CÔNG UẨN...

(Tiếp theo trang 9)

(12). *Cương mục* (Ch), 4, 8. Bản dịch, tr. 328.

(13). *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch, Nxb. Thuận Hoá in lại, 1992, tr. 328, 353.

(14). Xem *Hưng Đạo đại Vương và nhà Trần trên quê hương Nam Hà*. Sở Văn hoá Thông tin Nam Hà, 1995. TS. Nguyễn Văn Năm - Giám đốc sở Văn hóa-Thể thao-Du lịch Nam Định, rồi Bùi Duy Hưng trong *Minh Thuận từ truyền thống đến hiện đại*. Khóa luận tốt nghiệp Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc Gia Hà Nội, khoá 1996-2000 cũng cho biết tại Hiển Khánh tìm thấy nhiều di vật thời Lý-Trần.

(15). Theo *Địa chí Nam Định*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 219-221 thì vùng "Hành cung Ứng Phong nằm ở giữa khu vực Minh Thuận và Hiển Khánh" nơi từ thời Lê về trước có xã Hành Cung, đến năm 1820 đổi là Hành Nhân. Riêng 7 thôn xã Hành Cung xưa có đến 39 di tích (chưa kể nhà Thờ Thiên chúa giáo) trong đó nổi bật là các thôn Phú Lão, Bịch, Hướng Nghĩa đều thờ Hậu Tắc.